

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 214/2025/HS-PT

Ngày: 21/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1415/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2024/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 10/9/1992; tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú trước khi bị bắt: Thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; CCCD 038092012354 ngày 08/5/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; danh chỉ bản số 24 ngày 07/3/2024 do Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa lập; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Lê Thị K; có vợ là Lê Thị L và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2024 đến ngày 07/3/2024 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T:** Luật sư Trần Thị N - Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa.

Người bị hại: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994, ở thôn N, xã X, huyện N, Thanh Hóa (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Ông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 27/02/2024, gia đình anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983, ở thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; tổ chức đám giỗ nên mời một số người đến

nhà ăn cơm, uống rượu, trong đó có anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994, ở thôn N, xã X, huyện N; anh Lê Văn T, sinh năm 1992, anh Ngô Thọ Q, sinh năm 1985, anh Lê Ngọc H, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Viết T1, sinh năm 1997, đều trú tại thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình ăn uống, giữa T và anh Q xảy ra mâu thuẫn chửi bới nhau. Thấy T chửi anh Q nên anh Đ đã chửi bới, xô sát với T thì được mọi người can ngăn đưa T về nhà.

Sau khi T về thì anh Q, anh Đ đã chủ động đến nhà T nói chuyện giảng hòa với nhau. Nói chuyện giảng hòa xong, T điều khiển xe ô tô 36C- 063.63 đi bốc keo tại bãi nhà ông N1 người ở cùng thôn. Khi đến bãi do chưa có keo nên T ngồi trên xe ô tô chờ. Do vẫn bức tức vì bị Đ chửi bới, xô sát nên T đã gọi điện nói chuyện với Đ sau đó hai bên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. T- Đ gọi điện, nhắn tin qua messenger với nội dung thách thức và hẹn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Cuộc gọi cuối cùng giữa T- Đ kết thúc lúc 15 giờ 46 phút cùng ngày. Khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô tải BKS 36C-063.63 di chuyển từ bãi cát keo nhà ông N1 đi theo hướng từ UBND xã X đi xã T để tìm anh Đ giải quyết mâu thuẫn. Khi đi qua đập tràn lên đến mặt dốc trước cổng Trường tiểu học X, ở thôn P, xã X, huyện N. T phát hiện thấy anh Đ đang điều khiển xe mô tô BKS 36B7-312.30 di chuyển theo hướng ngược lại. Khi cách anh Đ khoảng 30m, T nháy đèn xe, rà phanh xe rồi đánh lái sang trái (đánh lái sang làn đường di chuyển của anh Đ) với mục đích chặn đầu xe anh Đ, dẫn đến hai xe va chạm với nhau. Anh Đ ngã xuống đường bất tỉnh, xe ô tô và xe máy bị hư hỏng.

Hậu quả: Anh Đ bị tử vong; xe mô tô BKS 36B7-312.30 của anh Đ bị nứt, vỡ nhựa chắn bùn bánh trước, ốp nhựa mặt nạ trước xe, ốp cụm đèn phía trước bị nứt vỡ, bung bật; 1 cánh yếm hai bên bị vỡ rời và xe ô tô tải BKS: 36C-063.63 của Lê Văn T bị hư hỏng.

Hiện trường vụ án: Hiện trường của vụ án là đoạn Km33+130, TL520 thuộc thôn P, xã X, huyện N, ngay trước cổng trường tiểu học xã X. Vị trí nơi xảy ra va chạm là gần đỉnh dốc giao nhau với đường dân sinh, đường bê tông rộng 3,5 mét, đoạn dốc dài khoảng 60m, độ dốc khoảng 45⁰. Lòng đường nơi xảy ra va chạm được rải nhựa bằng phẳng, độ rộng không đồng nhất, hẹp dần theo chiều từ Bắc đến N2; lề phía Đông giáp sân trước cổng trường. Quá trình khám nghiệm ghi nhận:

- + Các vết máu được xác định là vị trí phát hiện nạn nhân.
- + Vết máu cách trực sau xe mô tô BKS 36B7-312.30 khoảng cách là 2,07 mét. Xe ở trạng thái nằm nghiêng phải, hộp số điện vẫn sáng (báo vẫn hoạt động).
- + Từ trực trước xe mô tô về hướng Tây 0,80 m và trực sau xe mô tô về hướng B - Đông Bắc phát hiện điểm ngoài cùng trụ trước phải xe ô tô BKS 36C-063.63. Xe ở trạng thái dừng, tắt máy, đầu xe hướng N - Đ, đuôi xe hướng Bắc - T.
- + Ngay dưới đầu tay cầm bên phải xe mô tô, cách trực trước xe 0,94 mét là điểm đầu vết cào xước mặt đường, vết dài liên tục 2,85 mét, rộng 0,01 mét. Vết có chiều B1 - N2, điểm cuối vết là ở dưới gầm xe ô tô.

+ Tại vị trí cổ ống bô bên phải xe mô tô, cách trụ sau xe 0,20 mét là điểm đầu vết cả xước mặt đường, vết dài không liên tục 3,80 mét, rộng 0,01 mét. Vết có chiều B1 - N2, điểm cuối vết là ở dưới gầm xe ô tô.

+ Ngay dưới lớp bánh xe trước, bên phải xe ô tô phát hiện vết in vân lốp màu đen, liên tục (dạng vết phanh) trên mặt đường, KT (1,87x0,18) mét; chiều T - Đ.

+ Ngay dưới lớp bánh xe trước bên trái xe ô tô phát hiện vết in vân lốp màu đen, liên tục (dạng vết phanh) trên mặt đường, KT (2,80 x 0,20) mét, chiều T - Đ. Điểm đầu điểm cuối mép ngoài cùng bên trái (chiều B1- Nam) của vết lần lượt trùng với điểm ngoài cùng trực trước và sau bên trái xe ô tô. Ngay dưới bàn để chân phía trước xe mô tô phát hiện 01 chiếc búa có đầu và cán kim loại. Trên xe ô tô có 01 con dao kim loại, lưỡi dao dài 32,7 cm, cán gỗ dài 17,5 cm và 01 điện thoại Oppo A17.

- Kết luận giám định tử thi số 860/KLGĐTT-PC09 ngày 04/03/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn Đ là do: Tụ máu dưới màng cứng, tụ máu màng mềm.

- Giám định phương tiện: Kết luận giám định số 1125/KL-KTHS ngày 20/03/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T có kết luận: Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Mặt trước ba đờ sóc trước lên mặt trước ốp mặt nạ cách thành xe bên trái 72cm xe ô tô BKS 36C - 06363 với mặt trước trên phần trước chấn bụn bánh trước, mặt trước ốp nhựa mặt nạ, ốp cụm đèn phía trước, phần trước trên cánh yếm hai bên xe mô tô BKS 36B7-312.30.

Tại thời điểm xảy ra va chạm xe ô tô BKS 36C - 06363 có hướng chuyển động ngược chiều so với hướng của xe mô tô BKS 36B7-312.30;

Vị trí xảy ra va chạm giữa hai phương tiện nằm trước đầu vết cả (4), (5) được thể hiện bên trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, thuộc phần đường bên phải theo hướng T đi X, ngay gần đỉnh dốc giao nhau với đường dân sinh bê tông.

Không đủ cơ sở xác định tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm xảy ra va chạm. Dấu vết tại mặt trước trán xe cách thành xe bên phải 70cm xe ô tô BKS 36C - 06.363 phù hợp do va chạm với vùng trán, vùng đầu và cơ thể anh Nguyễn Văn Đ.

- Kết luận giám định số 954/KL-KTHS ngày 08/03/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh kết luận: Mẫu máu của Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa niêm phong gửi giám định có nồng độ còn là 118,37mg/100ml máu. Mẫu máu của Lê Văn T, sinh năm 1992, trú tại P, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa niêm phong gửi giám định có nồng độ còn là 37,65mg/100ml máu.

Về tình trạng an toàn, kỹ thuật xe: Ngày 24/4/2024 Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới C1 có văn bản số 48/VB-36.03D kết luận: Phương tiện mang BKS 36C-063.63 không đảm bảo các tiêu chuẩn về ATKT & BVMT và không đủ điều kiện tham gia giao thông.

Kết luận định giá tài sản số 04/HĐ-ĐGTS ngày 22/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: Tổng giá trị bị thiệt hại của tài sản định giá là 10.330.000 đồng. Trong đó tài sản của anh Đ là xe mô tô BKS: 36B7-31230 bị thiệt hại 6.160.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô BKS: 36C-036.36; 01 xe máy BKS: 36B7 - 312.30; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA17; 01 chiếc búa có lưỡi và cán bằng kim loại; 01 con dao; 01 Giấy phép lái xe hạng A1; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 36B7-31230 mang tên Nguyễn Văn Đ; Mẫu máu của anh Nguyễn Văn Đ và Lê Văn T.

Về dân sự của bị cáo trong vụ án được xác định trên cơ sở về thiệt hại tổn thất tinh thần, thiệt hại vật chất và cấp dưỡng cho 02 con đẻ của người bị hại. Tổng số tiền đề nghị bồi thường là: 821.120.000đ (Tám trăm hai một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2024/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T quyết định:

Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 39; Điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T tù chung thân về tội “Giết người”; 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; Buộc bị cáo T phải chịu hình phạt chung của hai tội là tù chung thân.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/11/2024 bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo trình bày: Từ khi trót gây ra hành vi phạm tội đến nay các bị cáo vẫn rất hối hận. Bị cáo xin rút ra bài học, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thành phạt tù có thời hạn để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Những người đại diện hợp pháp cho bị hại đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị: Bản án sơ thẩm có phần nghiêm khắc. Tại giai đoạn phúc thẩm, gia đình bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường, gia đình bị cáo đã bồi thường một phần lớn theo yêu cầu, phần còn lại gia đình bị hại đã cho bị cáo. Gia đình bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để chuyển loại hình phạt tù chung thân sang phạt tù dưới 20 năm cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo bị xử phạt về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 BLHS là đúng người, đúng pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường cho người bị hại. Hai bên đã thỏa thuận bồi thường xong. Đại diện gia đình bị hại đều xin giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo; xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 BLTTHS; chuyển hình phạt chung thân đối với tội Giết người thành tù có thời hạn là 20 năm, giữ nguyên hình phạt về tội Cố ý là hư hỏng tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 2 tội là 20 năm 9 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo, luật sư.

[1]. Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn nhận tội, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 BLHS là đúng người, đúng tội.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội và hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới như: bị cáo tác động gia đình để bồi thường cho người bị hại, đã bồi thường phần lớn, phần còn lại gia đình bị hại miễn cho bị cáo. Những người đại diện hợp pháp của người bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo là hộ gia đình cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính bột phát, hậu quả đáng tiếc xảy ra cũng có phần do người bị hại không đội mũ bảo hiểm, nồng độ cồn trong máu cao 118,37mg/100ml máu dễ gây ra tổn thương não khi va đập. Đánh giá 1 tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm b, 3 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS và tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, chính sách khoan hồng của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và V đại diện Viện kiểm sát giảm hình phạt tù chung thân xuống hình phạt tù 20 năm đối với tội Giết người, giữ nguyên hình phạt đối với tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 2 tội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận kháng cáo bị cáo Lê Văn T; sửa phần quyết hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST-GĐ&NCTN ngày 23/08/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, như sau: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; * Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

* Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”; 09 (C) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo T phải chịu hình phạt chung của hai tội là 20 năm 9 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất kỳ khoản nào khác.

2. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo (qua TTG);
- Những người tham gia tố tụng khác (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Tiến